TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "TrAh chấp về ly hôn"

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Đình Nhân.

Bà Nguyễn Thị Hương LA.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2023/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về vụ việc *TrAh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Minh H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt. Ông K có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H trình bày:

- Về quA hệ hôn nhân: Ngày 20/4/2007, bà và ông K đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tực tập quán, có thời giA tìm hiểu trước khi kết hôn.

Sau khi cưới ông bà sinh sống tại thôn Ninh Hòa, xã N, huyện Đ. Qúa trình vợ chồng chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn sau khi cưới cho đến nay không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do ông K đi làm ăn xa nhà, áp lực kinh tế gia đình, tình cảm không còn, không lo cho vợ con, không quA tâm đến nhau, không đồng quA điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng có 03 con chung, các con chủ yếu sống với bà tại thôn Ninh Hòa, xã N, huyện Đ, mạnh ai nấy sống không quA tâm đến nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quA tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục quA hệ hôn nhân với ông K nên bà yêu cầu ly hôn ông K. Bản thân ông K cũng đồng ý ly hôn với bà và ông K đã có đơn giải quyết vắng mặt gửi cho Tòa án.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Khi ly hôn bà Vũ Thị Minh H yêu cầu nuôi 03 con chung tên cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 24/3/2007, cháu Nguyễn Vũ K L, sinh ngày 16/02/2011, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, sinh ngày 11/12/2012 cho đến ngày con chung thành niên. Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ K L với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo đơn bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

- Ông K đồng ý ly hôn bà H, ông K có đơn xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Khi ly hôn bà Vũ Thị Minh H nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 24/3/2007, cháu Nguyễn Vũ K L, sinh ngày 16/02/2011, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, sinh ngày 11/12/2012 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M, cháu Nguyễn Vũ K L, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng/3 cháu, cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Minh H, xử cho bà Vũ Thị Minh H với ông Nguyễn Văn K ly hôn.

Về con chung: Giao bà Vũ Thị Minh H nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 24/3/2007, cháu Nguyễn Vũ K L, sinh ngày 16/02/2011 và cháu Nguyễn Vũ Trúc A, sinh ngày 11/12/2012 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ K L với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, cho đến ngày con chung thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" giữa nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H và bị đơn ông Nguyễn Văn K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn K.

[2] Về quA hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông K là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã N, huyện Đ ngày 20/4/2007. Quá trình vợ chồng chung sống thời giA đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình ông K đi làm ăn xa thường xuyên, áp lựac kinh tế gia đình. Mặc dù, đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quA tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ giữa năm 2020 đến nay. Hơn nữa, ông K cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông K tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông K là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 24/3/2007, cháu Nguyễn Vũ K L, sinh ngày 16/02/2011, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, sinh ngày 11/12/2012. Hiện nay 03 con chung đAg ở với bà H. Trong thời giA ông bà không sống chung, cháu Nguyễn Vũ Trà M, cháu Nguyễn Vũ K L và cháu Nguyễn Vũ Trúc A do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu đều học hành tại địa phương, phát triển bình thường. Mặt khác, nguyện vọng của 03 cháu cũng

muốn ở với mẹ. Ông K cũng đồng ý để bà H chăm sóc, nuôi dưỡng ba cháu nên cần giao ba cháu cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cháu Nguyễn Vũ K L với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, cho đến ngày con chung thành niên. Ý kiến của ông K đồng ý cấp dưỡng nuôi ba con chung với mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng/3 cháu. Do đó, cần buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cháu Nguyễn Vũ K L với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 cho đến ngày con chung thành niên, thời giA cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 trở đi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông, bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Buộc bà Vũ Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Minh H, xử cho bà Vũ Thị Minh H với ông Nguyễn Văn K ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Vũ Thị Minh H nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M, sinh ngày 24/3/2007, cháu Nguyễn Vũ K L, sinh ngày 16/02/2011 và cháu Nguyễn Vũ Trúc A, sinh ngày 11/12/2012 cho đến ngày con chung thành niên, thời giA cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Vũ Trà M với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ K L với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng; Cháu Nguyễn Vũ Trúc A, với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Buộc bà Vũ Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Vũ Thị Minh H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013336 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Vũ Thị Minh H cón phải nộp 300.000 đồng đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Vũ Thị Minh H có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAD tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy bA nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 40; Quyển số 01/2007, ngày 20/4/2007;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ